

Số: 288/KH-BQLKKT

An Giang, ngày 26 tháng 02 năm 2024

## KẾ HOẠCH

### Thực hiện quan trắc môi trường năm 2024 đối với các dự án đầu tư do Ban Quản lý Khu kinh tế làm chủ dự án

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Thông báo số 214/TB-VPUBND ngày 14/5/2020 của Văn phòng UBND tỉnh Ý kiến kết luận của Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Trần Anh Thư tại buổi họp về kinh phí thực hiện quan trắc, giám sát môi trường các khu công nghiệp, khu chức năng thuộc khu kinh tế cửa khẩu;

Căn cứ Quyết định số 32/2023/QĐ-UBND ngày 18/8/2023 của UBND tỉnh Ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh An Giang;

Căn cứ Biên bản làm việc ngày 15/9/2020 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc trao đổi, thống nhất quan trắc, giám sát môi trường định kỳ tại các khu công nghiệp, khu chức năng thuộc khu kinh tế cửa khẩu;

Căn cứ Quyết định số 338/QĐ-STNMT ngày 26/3/2018 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc điều chỉnh chương trình giám sát môi trường các dự án đầu tư do Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh An Giang làm chủ dự án đã được Sở Tài nguyên và Môi trường phê duyệt trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường;

Căn cứ Quyết định số 1382/QĐ-STNMT ngày 30/10/2019 của Sở Tài nguyên và Môi trường về phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án hạ tầng kỹ thuật khu Thương mại – Dịch vụ cửa khẩu Khánh Bình (giai đoạn 1) (giai đoạn hoạt động);

Căn cứ Quyết định số 1226/QĐ-STNMT ngày 04/11/2020 của Sở Tài nguyên và Môi trường về phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Hạ tầng Khu công nghiệp Bình Hòa;

Căn cứ Quyết định số 391/QĐ-STNMT ngày 11/5/2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường về phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Hạ tầng Khu tái định cư Vĩnh Xương mở rộng;

Căn cứ Giấy phép môi trường số 1285/GP-STNMT ngày 05/12/2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường đối với dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp Bình Long - giai đoạn hoạt động;

Căn cứ Giấy phép môi trường số 21/GP-STNMT ngày 15/01/2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh An Giang đối với cơ sở đầu tư xây dựng cơ sở Hạ tầng khu công nghiệp Xuân Tô.

Ban Quản lý Khu kinh tế xây dựng kế hoạch thực hiện quan trắc môi trường năm 2024 đối với các dự án đầu tư do Ban Quản lý Khu kinh tế làm chủ dự án như sau:

## I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

- Nhằm phòng ngừa, hạn chế các tác động xấu đến môi trường; kịp thời ứng phó sự cố môi trường; khắc phục ô nhiễm và cải thiện môi trường.

- Việc tổ chức thực hiện đúng và đầy đủ các nội dung theo chương trình quan trắc, giám sát môi trường đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, cấp phép. Đơn vị thực hiện thu, phân tích kết quả mẫu quan trắc phải có đủ chức năng theo quy định của pháp luật.

## II. NỘI DUNG

### 1. Quan trắc môi trường Dự án Hạ tầng Khu công nghiệp Bình Hòa

Chương trình quan trắc theo Quyết định số 1226/QĐ-STNMT ngày 04/11/2020 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường.

Quan trắc môi trường xung quanh (bên ngoài Dự án)	Quan trắc môi trường bên trong Dự án
<p><b>* Quan trắc nước mặt:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vị trí quan trắc: 01 vị trí tại kênh Hậu, điểm tiếp nhận nước thải sau xử lý.</li> <li>- Tần suất quan trắc: 06 tháng/lần.</li> <li>- Thông số quan trắc: pH, BOD<sub>5</sub>, COD, DO, TSS, Amoni (NH<sub>4</sub><sup>+</sup> tính theo N), Tổng Phosphor TP, Tổng dầu, mỡ, Tổng Coliform, Sắt (Fe).</li> <li>- Quy chuẩn so sánh: QCVN 08:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước mặt.</li> </ul>	<p><b>* Quan trắc không khí:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vị trí quan trắc: 01 vị trí trên đường số 4, khu vực phía trước cổng Công ty TNHH Trường Thắng.</li> <li>- Tần suất quan trắc: 06 tháng/lần.</li> <li>- Thông số quan trắc: Tiếng ồn, Tổng bụi lơ lửng (TSP), NO<sub>2</sub>, SO<sub>2</sub>, CO.</li> <li>- Quy chuẩn so sánh: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn;</li> <li>+ QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng không khí.</li> </ul> </li> </ul> <p><b>* Quan trắc nước thải định kỳ</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vị trí quan trắc: 04 vị trí: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Nước thải đầu vào (tại bể điều hòa) của hệ thống xử lý nước thải 2.000 m<sup>3</sup>/ngày.đêm và hệ thống xử lý nước thải 900 m<sup>3</sup>/ngày.đêm.</li> </ul> </li> </ul>

<b>Quan trắc môi trường xung quanh (bên ngoài Dự án)</b>	<b>Quan trắc môi trường bên trong Dự án</b>
	<p>+ Nước thải đầu ra (sau hệ thống lọc áp lực) của hệ thống xử lý nước thải 2.000 m<sup>3</sup>/ngày.đêm và hệ thống xử lý nước thải 900 m<sup>3</sup>/ngày.đêm.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tần suất quan trắc: 03 tháng/lần.</li> <li>- Thông số quan trắc: Lưu lượng, pH, BOD<sub>5</sub> (20°C), COD, Chất rắn lơ lửng, Tổng dầu mỡ khoáng, Amoni (tính theo N), Tổng Phốt pho (tính theo P), Tổng Nitơ, Clo dư, Coliform, Sắt, (Fe), Thủy ngân (Hg), Chì (Pb), Arsenic (As), Cadimium (Cd).</li> <li>- Quy chuẩn so sánh: QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải công nghiệp, cột A.</li> </ul> <p><b>* Quan trắc nước thải tự động, liên tục</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vị trí và thông số quan trắc: 04 vị trí.</li> </ul> <p>+ Nước thải đầu vào (tại bể điều hòa) của hệ thống xử lý nước thải 2.000 m<sup>3</sup>/ngày.đêm và hệ thống xử lý nước thải 900 m<sup>3</sup>/ngày.đêm. Thông số quan trắc: Lưu lượng đầu vào.</p> <p>+ Nước thải đầu ra (tại bể quan trắc nước thải - sau hệ thống lọc áp lực) của hệ thống xử lý nước thải 2.000 m<sup>3</sup>/ngày.đêm và hệ thống xử lý nước thải 900 m<sup>3</sup>/ngày.đêm. Thông số quan trắc: Lưu lượng đầu ra, nhiệt độ, pH, TSS, COD, Amoni.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tần suất quan trắc: Liên tục theo quy định.</li> <li>- Quy chuẩn so sánh: QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải công nghiệp, cột A.</li> </ul> <p>Kết quả quan trắc tự động được truyền về máy tính tại nhà chức năng có cán bộ theo dõi 24/24. Số liệu truyền trực tiếp về Sở Tài nguyên và Môi trường để theo dõi, giám sát (đã được Sở Tài nguyên và Môi trường thống nhất việc kết nối, truyền dữ liệu theo quy định).</p> <p><i>Hiện hệ thống xử lý nước thải 2.000 m<sup>3</sup>/ngày.đêm vẫn đảm bảo xử lý tổng lượng nước thải phát sinh nên chưa xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung 900 m<sup>3</sup>/ngày.đêm, vì vậy không thực hiện quan trắc định kỳ và tự động,</i></p>

liên tục đối với nước thải của hệ thống xử lý nước thải tập trung 900 m<sup>3</sup>/ngày.đêm theo chương trình được duyệt.

## 2. Quan trắc môi trường dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp Bình Long - giai đoạn hoạt động

Chương trình quan trắc theo Giấy phép môi trường số 1285/GP-STNMT ngày 05/12/2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường.

Quan trắc môi trường xung quanh (bên ngoài Dự án)	Quan trắc môi trường bên trong Dự án
	<p><b>* Quan trắc nước thải định kỳ:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vị trí quan trắc: 01 vị trí tại ống xả nước thải ra Sông Hậu tại ấp Bình Hưng, xã Bình Long, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang (tọa độ: X=1168488; Y=554872, theo hệ tọa độ VN 2000, kinh độ 104°45', múi chiều 3°).</li> <li>- Tần suất quan trắc: 03 tháng/lần.</li> <li>- Thông số quan trắc: Lưu lượng, nhiệt độ, pH, Chất rắn lơ lửng, BOD<sub>5</sub>, COD, Tổng nitơ, Tổng photpho (tính theo P), Clo dư, Tổng dầu mỡ khoáng, Amoni (tính theo N), Coliform.</li> <li>- Quy chuẩn so sánh: QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, cột A với hệ số K<sub>q</sub>=1,2, K<sub>f</sub>=1.</li> </ul> <p><b>* Quan trắc nước thải tự động, liên tục:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vị trí quan trắc: Tại trạm quan trắc, phía sau công đoạn xử lý cuối cùng là bể khử trùng (trước khi thải ra nguồn tiếp nhận là sông Hậu).</li> <li>- Tần suất quan trắc: liên tục.</li> <li>- Thông số quan trắc: Lưu lượng (đầu vào và đầu ra), nhiệt độ, pH, TSS, COD, Amoni.</li> <li>- Dữ liệu được truyền về Sở Tài nguyên và Môi trường để theo dõi, giám sát (đã được Sở Tài nguyên và Môi trường thống nhất việc kết nối, truyền dữ liệu theo Công văn số 4026/STNMT-MT ngày 10/12/2021).</li> </ul>

## 3. Quan trắc môi trường cơ sở đầu tư xây dựng cơ sở Hạ tầng khu công nghiệp Xuân Tô

Chương trình quan trắc theo Giấy phép môi trường số 21/GP-STNMT ngày 15/01/2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường.

<b>Quan trắc môi trường xung quanh (bên ngoài Dự án)</b>	<b>Quan trắc môi trường bên trong Dự án</b>
	<p><b>* Quan trắc định kỳ nước thải</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Số lượng: 02 mẫu:</li> <li>- Vị trí quan trắc: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ 01 điểm tại bể thu gom;</li> <li>+ 01 điểm tại bể chứa nước thải sau xử lý.</li> </ul> </li> <li>- Thông số quan trắc: Lưu lượng, nhiệt độ, pH, chất rắn lơ lửng, BOD<sub>5</sub> (20°C), COD, Tổng nitơ (tính theo N), Tổng phospho (tính theo P), Clo dư, tổng dầu mỡ khoáng, Amoni (tính theo N), Coliform.</li> <li>- Tần suất quan trắc: 03 tháng/lần.</li> <li>- Quy chuẩn so sánh: cột A, QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp với hệ số <math>K_q = 0,9</math>, <math>K_f = 1</math>.</li> </ul> <p><b>* Quan trắc nước thải tự động, liên tục:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vị trí quan trắc: Tại mương quan trắc nước thải - sau bể khử trùng của hệ thống xử lý nước thải 750 m<sup>3</sup>/ngày đêm.</li> <li>- Thông số quan trắc: Lưu lượng (đầu vào và đầu ra), nhiệt độ, pH, TSS, COD, Amoni.</li> <li>- Tần suất quan trắc: Liên tục theo quy định.</li> <li>- Quy chuẩn so sánh: QCVN 40:2011/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, cột A, với hệ số <math>K_q = 0,9</math>, <math>K_f = 1</math>.</li> </ul> <p>Kết quả quan trắc tự động được truyền về máy tính tại nhà chức năng có cán bộ theo dõi 24/24. Số liệu truyền trực tiếp về Sở Tài nguyên và Môi trường khi Sở Tài nguyên và Môi trường có hệ thống tiếp nhận.</p> <p><i>Theo Quyết định số 1680/QĐ-UBND ngày 19/10/2023 của UBND tỉnh An Giang về chủ trương đầu tư dự án Hệ thống xử lý nước thải tập trung Khu công nghiệp Xuân Tô (giai đoạn 1) (công suất 750 m<sup>3</sup>/ngày.đêm); thị trấn Tịnh Biên, huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang (nay là phường Tịnh Biên, thị xã Tịnh Biên, tỉnh An Giang); thời gian thực hiện dự án từ năm 2024-2026. Theo đó, trong năm 2024 dự án hệ thống xử lý nước thải tập trung Khu công nghiệp Xuân Tô (giai đoạn 1) (công suất 750 m<sup>3</sup>/ngày.đêm) đang xây dựng; vì vậy không thực hiện quan trắc nước thải định kỳ năm 2024 tại các vị trí quan trắc theo chương trình đã được cấp phép.</i></p>

#### 4. Quan trắc môi trường Dự án đầu tư xây dựng Khu Thương mại Tịnh Biên

Chương trình quan trắc theo Quyết định số 338/QĐ-STNMT ngày 26/3/2018 của Sở Tài nguyên và Môi trường.

Quan trắc môi trường xung quanh (bên ngoài Dự án)	Quan trắc môi trường bên trong Dự án
<p><b>* Quan trắc không khí</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vị trí quan trắc: 02 vị trí</li> <li>+ Phía Đông Nam giáp đường Quốc lộ 91.</li> <li>+ Tại nhà dân gần nhất.</li> <li>- Tần suất quan trắc: 06 tháng/lần.</li> <li>- Thông số quan trắc: Tiếng ồn, Tổng bụi lơ lửng (TSP), NO<sub>2</sub>, SO<sub>2</sub>, CO, NH<sub>3</sub>.</li> <li>- Quy chuẩn so sánh:               <ul style="list-style-type: none"> <li>+ QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn;</li> <li>+ QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng không khí (trung bình 01 giờ).</li> </ul> </li> </ul>	<p><b>* Quan trắc nước thải</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vị trí quan trắc: 04 vị trí tại 04 miệng xả trên đường số 2, 3, 4 và 5.</li> <li>- Tần suất quan trắc: 03 tháng/lần.</li> <li>- Thông số quan trắc: Lưu lượng thải, BOD<sub>5</sub> (20<sup>0</sup>C), Tổng chất rắn lơ lửng (TSS), Amoni (tính theo N), Dầu mỡ động, thực vật, Phosphat (PO<sub>4</sub><sup>3-</sup> tính theo P), Tổng Coliforms.</li> <li>- Quy chuẩn so sánh: QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước thải sinh hoạt, cột A.</li> </ul>

#### 5. Quan trắc môi trường Dự án Đường giao thông nối Khu công nghiệp Bình Hòa ra sông Hậu và cầu tàu

Chương trình quan trắc theo Quyết định số 338/QĐ-STNMT ngày 26/3/2018 của Sở Tài nguyên và Môi trường.

Quan trắc môi trường xung quanh (bên ngoài Dự án)	Quan trắc môi trường bên trong Dự án
	<p><b>* Quan trắc nước mặt:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vị trí quan trắc: 01 vị trí tại cầu cảng (khu vực sông Hậu)</li> <li>- Tần suất quan trắc: 06 tháng/lần.</li> <li>- Thông số quan trắc: pH, BOD<sub>5</sub>, COD, TSS, Amoni (NH<sub>4</sub><sup>+</sup> tính theo N), tổng Phosphar TP, Tổng dầu, mỡ, Tổng Coliform.</li> <li>- Quy chuẩn so sánh: QCVN 08:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt.</li> </ul> <p><b>* Quan trắc nước thải:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vị trí quan trắc: 01 vị trí tại đầu ra</li> </ul>

	<p>hệ thống xử lý nước thải.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tần suất quan trắc: 01 lần/03 tháng.</li> <li>- Thông số quan trắc: Lưu lượng, pH, BOD<sub>5</sub> (20°C), Tổng chất rắn lơ lửng (TSS), Tổng chất rắn hòa tan, Sunfua (tính theo H<sub>2</sub>S), Amoni (tính theo N), Nitrat (NO<sub>3</sub><sup>-</sup> tính theo N), Dầu mỡ động thực vật, Tổng các chất hoạt động bề mặt, Phosphat (PO<sub>4</sub><sup>3-</sup> tính theo P), Tổng Coliforms.</li> <li>- Quy chuẩn so sánh: QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt, cột A.</li> </ul> <p><i>Hệ thống xử lý nước thải của dự án chưa xây dựng vì vậy không thực hiện quan trắc nước thải định kỳ năm 2024 tại vị trí quan trắc theo chương trình đã được phê duyệt.</i></p>
--	---

### 6. Quan trắc môi trường dự án Hạ tầng kỹ thuật Khu Thương mại - Công nghiệp Vinh Xương

Chương trình quan trắc theo Quyết định số 338/QĐ-STNMT ngày 26/3/2018 của Sở Tài nguyên và Môi trường.

<b>Quan trắc môi trường xung quanh (bên ngoài Dự án)</b>	<b>Quan trắc môi trường bên trong Dự án</b>
<p><b>* Quan trắc không khí:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vị trí quan trắc: Tại hướng tiếp giáp nhà dân gần nhất, cuối hướng gió.</li> <li>- Tần suất quan trắc: 06 tháng/lần.</li> <li>- Thông số quan trắc: Tiếng ồn, Tổng bụi lơ lửng (TSP), NO<sub>2</sub>, SO<sub>2</sub>, CO.</li> <li>- Quy chuẩn so sánh: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng không khí (trung bình 01 giờ);</li> <li>+ QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn.</li> </ul> </li> </ul>	<p><b>* Quan trắc không khí:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vị trí quan trắc: Tại khu vực trung tâm dự án.</li> <li>- Tần suất quan trắc: 06 tháng/lần.</li> <li>- Thông số quan trắc: Tiếng ồn, Tổng bụi lơ lửng (TSP), NO<sub>2</sub>, SO<sub>2</sub>, CO.</li> <li>- Quy chuẩn so sánh: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng không khí (trung bình 01 giờ);</li> <li>+ QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn.</li> </ul> </li> </ul> <p><b>* Quan trắc nước thải</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vị trí quan trắc: 01 vị trí tại đầu ra hệ thống xử lý nước thải.</li> <li>- Tần suất quan trắc: 03 tháng/lần.</li> <li>- Thông số quan trắc: pH, BOD<sub>5</sub> (20°C), Tổng chất rắn lơ lửng (TSS), Tổng chất rắn hòa tan, Sunfua (tính theo</li> </ul>

	<p>H<sub>2</sub>S), Amoni (tính theo N), Nitrat (NO<sub>3</sub><sup>-</sup> tính theo N), Dầu mỡ động, thực vật, Tổng các chất hoạt động bề mặt, Phosphat (PO<sub>4</sub><sup>3-</sup> tính theo P), Tổng Coliforms, Lưu lượng thải.</p> <p>- Quy chuẩn so sánh: QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt, cột A.</p> <p><i>Hệ thống xử lý nước thải tập trung chưa xây dựng vì vậy không thực hiện quan trắc nước thải năm 2024 tại vị trí quan trắc theo chương trình đã được phê duyệt.</i></p>
--	---

**7. Quan trắc môi trường dự án Hạ tầng kỹ thuật Khu Thương mại - Dịch vụ cửa khẩu Khánh Bình (giai đoạn 1) giai đoạn hoạt động**

Chương trình quan trắc theo Quyết định số 1382/QĐ-STNMT ngày 30/10/2019 của Sở Tài nguyên và Môi trường.

<b>Quan trắc môi trường xung quanh (bên ngoài Dự án)</b>	<b>Quan trắc môi trường bên trong Dự án</b>
	<p><b>* Quan trắc không khí (giai đoạn xây dựng):</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vị trí quan trắc: 02 vị trí</li> <li>+ Khu B, gần khu vực nhà dân trên DT 957.</li> <li>+ Khu A.</li> <li>- Tần suất quan trắc: 03 tháng/lần.</li> <li>- Thông số quan trắc: Tổng bụi lơ lửng (TSP), SO<sub>2</sub>, NO<sub>2</sub>, CO, tiếng ồn.</li> <li>- Quy chuẩn so sánh: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng không khí (trung bình 01 giờ);</li> <li>+ QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn.</li> </ul> </li> </ul> <p><i>Đã xây dựng xong nên không thực hiện quan trắc môi trường không khí xung quanh.</i></p> <p><b>* Quan trắc nước thải (giai đoạn vận hành):</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vị trí quan trắc: 01 mẫu sau hệ thống xử lý nước thải.</li> <li>- Tần suất quan trắc: 03 tháng/lần.</li> </ul>



	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông số quan trắc: Lưu lượng, pH, COD, TSS, BOD<sub>5</sub>, Amoni (tính theo N), sunfua, Clo dư, Coliform, tổng N, tổng P, tổng dầu mỡ khoáng.</li> <li>- Quy chuẩn so sánh: QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt, cột A.</li> </ul>
--	--

**8. Quan trắc môi trường dự án Hạ tầng Khu tái định cư Vĩnh Xương mở rộng**

Chương trình quan trắc theo Quyết định số 391/QĐ-STNMT ngày 11/5/2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường.

<b>Quan trắc môi trường xung quanh (bên ngoài Dự án)</b>	<b>Quan trắc môi trường bên trong Dự án</b>
	<p><b>* Quan trắc nước thải</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vị trí: 02 mẫu nước thải tại hố ga đầu vào và hố ga đầu ra của hệ thống xử lý nước thải.</li> <li>- Thông số: Lưu lượng, pH, BOD<sub>5</sub> (20°C), TSS, Tổng chất rắn hòa tan, Sunfua (tính theo H<sub>2</sub>S), Amoni (tính theo N), Nitrat (NO<sub>3</sub><sup>-</sup>) (tính theo N), Dầu mỡ động thực vật, Tổng các chất hoạt động bề mặt, Phosphat (PO<sub>4</sub><sup>3-</sup>) (tính theo P), Tổng Coliforms.</li> <li>- Tần suất: 03 tháng/lần.</li> <li>- Quy chuẩn so sánh: QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt, cột A.</li> </ul> <p><b>* Quan trắc chất thải rắn</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vị trí: các thùng, khu vực chứa rác thải sinh hoạt, chất thải nguy hại.</li> <li>- Nội dung: Giám sát thành phần, khối lượng mỗi loại chất thải phát sinh tại dự án.</li> <li>- Tần suất giám sát: Hàng ngày.</li> <li>- Tổng hợp số liệu, báo cáo định kỳ theo quy định.</li> </ul>

**III. THỜI GIAN THỰC HIỆN:** Dự kiến thời gian lấy mẫu quan trắc trong tháng 3/2024, 6/2024, 9/2024, 12/2024.

**IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN**

Theo nội dung Thông báo số 214/TB-VPUBND ngày 14/5/2020 của Văn phòng UBND tỉnh An Giang; sử dụng kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường được cấp năm 2024 thực hiện quan trắc môi trường xung quanh (bên ngoài) dự

án; đối với quan trắc môi trường bên trong dự án sử dụng nguồn thu từ kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp để thực hiện.

## **V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

1. Giao phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với Trung tâm Đầu tư - Phát triển hạ tầng và Hỗ trợ doanh nghiệp Khu kinh tế tỉnh, đại diện Ban Quản lý tại khu công nghiệp, khu kinh tế cửa khẩu tổ chức thực hiện nội dung chương trình quan trắc.

2. Giao Văn phòng thực hiện công khai phiếu kết quả quan trắc chất thái định kỳ trên trang thông tin điện tử của Ban Quản lý Khu kinh tế ngay sau khi tiếp nhận thông tin từ Phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường.

3. Giao Trung tâm Đầu tư - Phát triển hạ tầng và Hỗ trợ doanh nghiệp Khu kinh tế tỉnh thực hiện công khai kết quả quan trắc nước thải tự động, liên tục; thực hiện báo cáo công tác bảo vệ môi trường của từng dự án theo quy định.

Trên đây là kế hoạch thực hiện quan trắc môi trường năm 2024 đối với các dự án đầu tư do Ban Quản lý Khu kinh tế làm chủ dự án./.

### ***Nơi nhận:***

- TB và các PTB;
- Văn phòng;
- TTĐT-PTHT&HTDN KKT;
- Đại diện BQL tại KCN, KKTCK;
- Lưu: VT, QLTNMT.

**KT. TRƯỞNG BAN  
PHÓ TRƯỞNG BAN**

**Trần Quốc Thanh**